TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/LĐ-ST
Ngày: 20-9-2018
V/v tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lư Khánh Thành

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số*:* 02/2018/TLST- LĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2018/QĐXXST- LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2018/QĐST-HPT ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: đường C, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: đường N, phường Th, quận Th, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông K – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2017, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Minh Q trình bày: Ông Nguyễn Minh Q vào làm việc tại Nhà máy Q thuộc Công ty C, từ tháng 11 năm 1988 ở vị trí công nhân ở khâu bảo trì, về sau thì được bố trí ở nhiều vị trí khác nhau. Ông Nguyễn Minh Q

làm việc liên tục đến ngày 13/4/2017 thì thôi việc theo quyết định số 156/QĐ-VP ngày 13/4/2017 giám đốc nhà máy Q về việc đồng ý cho ông Q tự nguyện xin thôi việc. Sau khi thôi việc, Nhà máy Q hay Công ty C không trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông Q. Trong thời gian làm việc, ông Q có tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/1988 đến tháng 3/2017, đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01/2009 đến tháng 3/2017.

Nay yêu cầu Công ty C trả cho ông Nguyễn Minh Q tiền trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian làm việc chưa tham gia bảo hiểm thất nghiệp là từ tháng 11/1988 đến tháng 12/2008, tiền lương 6 tháng trước khi thôi việc là 5.880.000đồng/tháng từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2016 và 6.300.000đồng/tháng từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2017.

- Tại bản tự khai đề ngày 08/6/2018 bị đơn Công ty C do bà Vũ Thu H đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 230/UQ ngày 05/6/2018) trình bày:

Ông Nguyễn Minh Q vào làm việc tại Nhà máy Q – Công ty C từ ngày 01/11/1988. Trong quá trình làm việc tại Nhà máy ông Q không vi phạm nội quy, quy định của Nhà máy. Ông Qxin nghỉ việc vì lý do cá nhân và Nhà máy có quyết định cho ông Q nghỉ thôi việc từ ngày 14/4/2017. Trong quá trình ông Q làm việc tại Nhà máy, Nhà máy đã thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội đầy đủ cho ông Q đến hết tháng 3/2017.

Từ nhiều năm nay Nhà máy Q đảm bảo đủ việc làm cho cán bộ công nhân và không có chủ trương giảm lao động tại Nhà máy. Nhà máy không có nguồn tiền chi trả các khoản trợ cấp theo yêu cầu do sản xuất cơ khí lợi nhuận không cao. Mặt khác, Nhà máy phải chuẩn bị di dời cơ sở tại đường C theo quy hoạch của Thành phố để lấy đất làm trường học nên ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí của Nhà máy. Công ty và Nhà máy mong người lao động chia sẻ cùng doanh nghiệp trong lúc khó khăn do bị Nhà nước thu hồi đất của Nhà máy Q để làm dự án trường học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Minh Q khởi kiện Công ty C về tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động. Đây là tranh chấp về lao động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty C là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay lần thứ hai Công ty C vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 01/11/1988 ông Nguyễn Minh Q vào làm việc tại Nhà máy Q thuộc Công ty C, không có ký kết hợp đồng lao động, nhưng theo sự thừa nhận của hai bên thì ông Q đã làm việc tại Nhà máy Q cho đến khi thôi việc vào ngày 13/4/2017. Như vậy, giữa ông Nguyễn Minh Q và Công ty C – Nhà máy Q đã xác lập hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Do bận việc gia đình nên ông Q đã làm đơn xin thôi việc tại Nhà máy Q. Tại Quyết định số 156/QĐ-VP ngày 13/4/2017 thì Nhà máy Q thuộc Công ty C đã quyết định đồng ý cho ông Q thôi việc kể từ ngày 14/4/2017, đồng thời Nhà máy cũng đã đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội cho ông Q đến tháng 3/2017. Tuy nhiên, Công ty C chưa chi trả trợ cấp thôi việc cho ông Q từ ngày 01/11/1988 đến ngày 31/12/2008.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật lao động 2012 quy định: *" Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1,2,3,5,6,7,9 và 10 Điều 36 của bộ luật này thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương"*

Do vậy, nay ông Q khởi kiện yêu cầu Công ty C trả trợ cấp thôi việc cho ông Q tương ứng với thời gian làm việc chưa tham gia bảo hiểm thất nghiệp là từ tháng 11/1988 đến tháng 12/2008 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật lao động năm 2012 quy định *" Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp…."*. Tại Quyết định số 156/QĐ-VP ngày 13/4/2017 thể hiện ông Nguyễn Minh Q vào làm việc tại Nhà máy Q từ ngày 01/11/1988 đến ngày 13/4/2017. Như vậy, thời gian ông Quang làm việc tại Nhà máy Q là 28 năm 5 tháng 13 ngày. Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội thì từ ngày 01/01/2009 thì ông Q đã tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội. Thời gian ông Q làm việc để được tính trợ cấp thôi việc là từ ngày 01/11/1988 đến ngày 31/12/2008 là 20 năm 02 tháng. Theo quy định tạo điểm c khoản 3 điều 14 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động thì: " *thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm của người lao động được tính theo năm (đủ 12 tháng), trường hợp có tháng lẻ thì từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng ½ năm…*". Như vậy, thời gian ông Nguyễn Minh Q được tính trợ cấp thôi việc là 20,5 năm.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: *" Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao*

động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc". Căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội thì tiền lương bình quân của ông Q trong 6 tháng liền kề trước khi thôi việc, tức từ tháng 10/2016 đến tháng 3/2017 là: [(5.880.000x3)+(6.300.000x3)]/6 = 6.090.000đồng/ tháng.

Như vậy, số tiền trợ cấp thôi việc ông Nguyễn Minh Q được nhận là:

20,5 x 6.090.000đồng x ½ = 62.422.500 (sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm) đồng

Như vậy, buộc Công ty C có trách nhiệm trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông Nguyễn Minh Q với số tiền là: 62.422.500 (sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm) đồng làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty C phải nộp án phí là: 62.422.500đồng x 3% = 1.872.675 (Một triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm bảy mươi lăm)đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 48 Bộ luật lao động 2012; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 05/2015//NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Q

- Buộc Công ty C thanh toán tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/11/1988 đến ngày 31/12/2008 cho ông Nguyễn Minh Q với số tiền là: 62.422.500 (sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm) đồng

- Thời gian thanh toán làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Minh Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Công ty C còn phải trả cho ông Q khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty C phải nộp án phí là 1.872.675 (Một triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm bảy mươi lăm)đồng

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Minh Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Sa